

Số: 124/2022/QĐST-DS

Trà Ôn, ngày 07 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 9 năm 2022, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 185/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng Thương mại cổ phần B.**

Địa chỉ trụ sở: Tầng A, Tòa nhà T, số X, đường T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Phạm Doãn S** – Tổng Giám đốc. Là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lê Văn H** – Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh Vĩnh Long. Là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền số 970a/2022/GUQ-LienVietPostBank.VL ngày 01/7/2022).

- *Bị đơn*: 1/ Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1966.

2/ Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1957.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp L (ấp A cũ), xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị T: Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1966.

Địa chỉ cư trú: ấp L (ấp A cũ), xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/9/2022).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1959.

2/ Bà **Huỳnh Thị C**, sinh năm 1955.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp L (ấp A cũ), xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị C: Ông **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1959.

Địa chỉ cư trú: ấp L (ấp A cũ), xã L, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/9/2022).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Trần Văn H và bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền vay còn nợ tính đến ngày 10/5/2022 số tiền vốn là 225.293.736đ, lãi là 20.382.280đ, tổng cộng vốn, lãi là 245.676.016đ (*Hai trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi sáu ngàn không trăm mười sáu đồng*) và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 11/5/2022 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số HĐTD66D202000207 ngày 02/10/2020 đã ký kết. Trường hợp ông H và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Trần Văn H, bà Huỳnh Thị T cùng ông Nguyễn Đức T, bà Huỳnh Thị C đồng ý giao tài sản thế chấp và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 109/2020/HĐTC/PGDTraOn ngày 02/10/2020 là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 421827, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS02814 ở thửa đất số 319, tờ bản đồ số 12, diện tích 3.617m², loại đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc ấp L (ấp A cũ), xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho ông Trần Văn H và bà Huỳnh Thị T ngày 26/12/2016 để thi hành án thu hồi nợ.

2.2. Ông Nguyễn Đức T, bà Huỳnh Thị C không yêu cầu bồi thường toàn bộ tài sản gắn liền trên đất. Ông Trần Văn H, bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Đức T, bà Huỳnh Thị C tự thương lượng với nhau. Trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B có nghĩa vụ nộp 100.000đ (*Một trăm ngàn đồng*). Nguyên đơn đã nộp đủ.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn H và Huỳnh Thị T có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí là 6.141.900đ (*Sáu triệu một trăm bốn mươi một ngàn chín trăm đồng*). Cụ thể ông H, bà T mỗi người nộp $\frac{1}{2}$ bằng 3.070.950đ (*Ba triệu không trăm bảy mươi ngàn chín trăm năm mươi đồng*). Nhưng bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên miễn 50% án phí đối với phần bà T phải chịu là 1.535.475đ (*Một triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn bốn trăm bảy mươi lăm đồng*). Bà T phải nộp

50% án phí mà bà T nhận nộp thay cho Ngân hàng là 1.535.475đ (*Một triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn bốn trăm bảy mươi lăm đồng*).

- Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.142.000đ (*Sáu triệu một trăm bốn mươi hai ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0014642 ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy An